TỈNH ỦY HƯNG YÊN * Số 826-QĐ/TU	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Hưng Yên, ngày 05 tháng 11 năm 2026*

QUY ĐỊNH
về quản lý biên chế, vị trí việc làm và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị của hệ thống chính trị tỉnh Hưng Yên

---

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quy định số 183-QĐ/TW, ngày 02/6/2026 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

- Căn cứ Kết luận số 40-KL/TW, ngày 02/6/2026 của Bộ Chính trị về bổ sung, sửa đổi Quy định về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; giao biên chế của hệ thống chính trị năm 2026 và định hướng giai đoạn 2027 - 2031;

- Căn cứ Kết luận số 107-KL/TW, ngày 17/10/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong hệ thống chính trị gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ và quản lý biên chế;

- Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP, ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức; Nghị định số 232/2026/NĐ-CP, ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức;

- Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 173/2025/NĐ-CP, ngày 30/6/2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức; Nghị định số 235/2026/NĐ-CP, ngày 26/6/2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định về quản lý biên chế, vị trí việc làm và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị của hệ thống chính trị tỉnh Hưng Yên như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nguyên tắc, nội dung, căn cứ, trình tự, thẩm quyền và trách nhiệm trong quản lý, giao, sử dụng, điều chỉnh, điều chuyển, tinh giản

biên chế, quản lý lao động hợp đồng, quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc hệ thống chính trị tỉnh Hưng Yên.

2. Biên chế thuộc phạm vi quản lý gồm: biên chế cán bộ, công chức; biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập của hệ thống chính trị và số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập của hệ thống chính trị; số người làm việc tại các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh.

3. Hợp đồng thực hiện công việc thuộc phạm vi quản lý gồm hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ của công chức được quản lý theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP trong cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

4. Quy định này không áp dụng đối với cơ quan, đơn vị ngành dọc, lực lượng vũ trang và các cơ quan, tổ chức khác có biên chế, quỹ lương do cơ quan Trung ương trực tiếp quản lý, trừ trường hợp cấp có thẩm quyền có quy định khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy; cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh *(gồm cả các đơn vị sự nghiệp trực thuộc)*; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy *(không bao gồm Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh)*

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã.

3. Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương.

4. Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng biên chế, ký kết và thực hiện hợp đồng.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý biên chế trong toàn hệ thống chính trị tỉnh. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện trách nhiệm quản lý, sử dụng biên chế và lao động hợp đồng theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Quy định này.

2. Việc giao biên chế hằng năm hoàn thành trong Quý IV của năm trước liền kề, bảo đảm không vượt tổng biên chế và cơ cấu từng loại biên chế của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao. Trường hợp Trung ương quy định thời hạn khác thì thực hiện theo quy định của Trung ương.

3. Việc giao, quản lý, sử dụng biên chế phải căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, khối lượng công việc, sản phẩm đầu ra, quy mô, đối tượng và phạm vi phục vụ, định mức chuyên ngành, mức độ tự chủ tài chính và yếu tố đặc thù; gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, cải cách

hành chính, chuyển đổi số, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cải cách chính sách tiền lương.

4. Tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát; đề cao trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu.

5. Chỉ xem xét tăng biên chế khi cấp có thẩm quyền quyết định thành lập tổ chức mới, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, tăng quy mô hoặc khối lượng công việc gắn với vị trí việc làm hoặc thiếu biên chế so với định mức quy định; thực hiện giảm biên chế theo quy định hoặc khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định kết thúc hoạt động, giải thể tổ chức, giảm chức năng, nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập tăng mức độ tự chủ tài chính.

6. Việc ký hợp đồng phải đúng loại công việc, thẩm quyền, số lượng, nguồn kinh phí và thời hạn. Không sử dụng hợp đồng để thay thế việc tuyển dụng công chức, viên chức, trừ trường hợp pháp luật cho phép.

7. Bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả. Nghiêm cấm việc xin biên chế, giữ biên chế, giữ cơ cấu vì lợi ích cục bộ; giao, sử dụng biên chế và ký hợp đồng vượt thẩm quyền hoặc không đúng vị trí việc làm.

Điều 4. Nội dung quản lý

1. Ban hành hoặc tham mưu ban hành chủ trương, quy định, quyết định, tiêu chí, định mức và văn bản hướng dẫn về quản lý biên chế, lao động hợp đồng.

2. Rà soát chức năng, nhiệm vụ; xây dựng, thẩm định, phê duyệt, quyết định và điều chỉnh vị trí việc làm; xây dựng kế hoạch giao và sử dụng biên chế, lao động hợp đồng theo giai đoạn, hằng năm.

3. Giao, điều chỉnh, điều chuyển, thu hồi, sử dụng biên chế, lao động hợp đồng sử dụng ngân sách nhà nước, biên chế dự phòng.

4. Quản lý việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng, tinh giản biên chế gắn với đánh giá, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; quản lý việc sử dụng lao động hợp đồng trong chỉ tiêu được giao.

5. Xây dựng, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu; thực hiện thống kê, báo cáo, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong quản lý và sử dụng biên chế, lao động hợp đồng.

Chương II
KẾ HOẠCH, GIAO VÀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ, VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Điều 5. Căn cứ xác định nhu cầu biên chế

1. Quyết định giao biên chế của Bộ Chính trị, Ban Tổ chức Trung ương và cơ quan có thẩm quyền; định hướng, mục tiêu, lộ trình tinh giản biên chế theo từng giai đoạn.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc

làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Khối lượng công việc thực tế và dự báo; sản phẩm, kết quả đầu ra; mức độ phức tạp, thời hạn xử lý; phạm vi, đối tượng phục vụ; nhiệm vụ tăng, giảm, chuyển giao do sắp xếp tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền.

4. Định mức biên chế, định mức số lượng người làm việc và tiêu chí của ngành, lĩnh vực; quy mô dân số, diện tích, đơn vị hành chính, số lớp, số học sinh, số học viên, số giường bệnh, số lượt cung ứng dịch vụ công; số lượng đảng viên, tổ chức đảng trực thuộc, đầu mối và đơn vị trực thuộc cần lãnh đạo, quản lý, khối lượng công việc tham mưu, giúp việc cấp ủy; điều kiện kinh tế - xã hội và yếu tố đặc thù của địa phương, cơ quan, đơn vị. Đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, căn cứ thêm số lớp, số học viên, định mức giờ giảng và định mức giảng viên theo quy định của cấp có thẩm quyền.

5. Mức độ ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, dữ liệu dùng chung, cải cách quy trình; khả năng khoán, thuê dịch vụ, xã hội hóa và mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Số người làm việc hiện có mặt, số biên chế chưa sử dụng; cơ cấu ngạch, chức danh nghề nghiệp; số nghỉ hưu, thôi việc, dự kiến chuyển công tác hoặc nghỉ hưu, tinh giản; kết quả tuyển dụng, sử dụng và đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 6. Kế hoạch biên chế

1. Kế hoạch biên chế theo giai đoạn được xây dựng trên cơ sở số biên chế được cấp có thẩm quyền giao theo giai đoạn, gắn với nghị quyết đại hội đảng bộ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phương án sắp xếp tổ chức bộ máy của tỉnh.

2. Kế hoạch phải xác định tổng số, cơ cấu từng loại biên chế; số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần; biên chế dự phòng; mục tiêu, lộ trình tinh giản; nhu cầu điều chỉnh, điều chuyển; vị trí và lĩnh vực cần ưu tiên; giải pháp thực hiện và cam kết trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Giai đoạn 2027 - 2031 và các giai đoạn tiếp theo thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền, trên cơ sở kế hoạch, lộ trình và cam kết trách nhiệm; đồng thời cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ, ưu tiên nhân lực trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chiến lược, nhiệm vụ cơ bản, thiết yếu, cấp xã và nơi có khối lượng công việc lớn.

4. Hằng năm tổ chức rà soát kết quả thực hiện kế hoạch biên chế giai đoạn để cập nhật, điều chỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm, khối lượng công việc và tình hình thực tế.

Điều 7. Kế hoạch biên chế và lao động hợp đồng hằng năm

1. Chậm nhất ngày 15/7 hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch biên chế, số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp, lao động hợp đồng của năm sau, gửi cơ quan đầu mối theo quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ gồm báo cáo đánh giá năm hiện hành; phương án giao, sử dụng, tuyển dụng, điều chỉnh, tinh giản; thuyết minh nhu cầu tăng, giảm và nguồn kinh phí thực hiện hợp đồng. Đối với hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức, kế hoạch phải xác định rõ nhiệm vụ của vị trí việc làm cần thực hiện, đối tượng dự kiến ký hợp đồng, sản phẩm đầu ra, thời gian thực hiện và dự toán kinh phí theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, đơn vị khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Các cơ quan, đơn vị khối chính quyền gửi Sở Nội vụ; Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy chậm nhất ngày 31/8 hằng năm. Ban Thường vụ đảng ủy cấp xã lãnh đạo, thống nhất phương án tổng thể về tổ chức, biên chế và lao động hợp đồng của hệ thống chính trị cấp xã; chỉ đạo đối chiếu số liệu giữa các khối. Trên cơ sở phương án đã thống nhất, các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc gửi hồ sơ về Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các cơ quan khối chính quyền gửi hồ sơ về Sở Nội vụ theo phân cấp, kèm phương án tổng thể để đối chiếu, tổng hợp.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì thẩm định, tổng hợp chung; phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính và cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét để hoàn thành việc giao biên chế trong Quý IV của năm trước liền kề.

4. Trường hợp Trung ương quy định thời hạn khác hoặc phát sinh yêu cầu đột xuất, Ban Tổ chức Tỉnh ủy thông báo tiến độ cụ thể để các cơ quan, đơn vị thực hiện.

Điều 8. Giao và phân bổ biên chế

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định giao biên chế cán bộ, công chức; biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước; số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần; số người làm việc tại các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và lao động hợp đồng cho từng khối, gồm: (1) Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở tỉnh; (2) Khối chính quyền địa phương, bao gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã.

2. Trong phạm vi tổng số biên chế được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao và theo quy định của pháp luật:

a) Thường trực Tỉnh ủy quyết định giao biên chế cán bộ, công chức; biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước; số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần; số người làm việc tại các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở tỉnh và

lao động hợp đồng cho các cơ quan, đơn vị, gồm: cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy: Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh; khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc cấp xã.

b) Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc giao biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan khối chính quyền địa phương cấp tỉnh; biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã; biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; số lượng lao động hợp đồng; và tổ chức thực hiện sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Không thực hiện giao số lượng lao động hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP. Việc ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP thực hiện linh hoạt theo từng dự án, nhiệm vụ hoặc theo chương trình công tác hằng năm trên cơ sở nguồn nhân lực hiện có và khả năng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 9. Điều chỉnh, điều chuyển và thu hồi biên chế

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định điều chuyển biên chế giữa khối chính quyền và khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định việc điều chỉnh, điều chuyển biên chế giữa các cơ quan, đơn vị trong khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở tỉnh; cho chủ trương điều chỉnh, điều chuyển biên chế giữa các cơ quan, đơn vị trong khối chính quyền để Đảng ủy UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện theo quy định. Đối với khối chính quyền, việc quyết định điều chỉnh, điều chuyển và tổ chức thực hiện phải do cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo pháp luật và phân cấp của tỉnh.

3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện thu hồi biên chế khi cơ quan, đơn vị giải thể, kết thúc hoạt động, giảm chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức, không sử dụng hoặc sử dụng không đúng vị trí việc làm, không thực hiện đúng lộ trình tinh giản, tự chủ đã được phê duyệt. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và cơ quan liên quan thẩm định phương án thu hồi, phân bổ lại biên chế, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phạm vi quản lý và phân cấp.

4. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh, điều chuyển biên chế gồm: văn bản đề nghị và phương án điều chỉnh, điều chuyển, trong đó nêu rõ căn cứ, chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm, khối lượng công việc, số biên chế được giao, số có mặt, nguyên nhân đề nghị, nguồn biên chế và phương án bố trí nhân sự. Hồ sơ thuộc khối Đảng,

Mặt trận Tổ quốc gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy; hồ sơ thuộc khối chính quyền gửi Sở Nội vụ để thẩm định, tổng hợp theo phân cấp.

5. Việc chuyển chỉ tiêu biên chế công chức thành biên chế viên chức và ngược lại chỉ thực hiện khi Trung ương quyết định điều chuyển.

Điều 10. Quản lý và sử dụng biên chế dự phòng

1. Biên chế dự phòng nằm trong phạm vi tổng biên chế cấp có thẩm quyền giao, từ số chưa phân bổ, số thu hồi hoặc nguồn hợp pháp khác theo quy định; không làm tăng tổng biên chế của tỉnh.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định sử dụng biên chế dự phòng khi cần thiết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại phiên họp gần nhất.

3. Biên chế dự phòng được ưu tiên xem xét sử dụng cho tổ chức mới thành lập; nhiệm vụ mới được cấp có thẩm quyền giao; lĩnh vực giáo dục, y tế, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và dịch vụ công cơ bản, thiết yếu; cơ quan, đơn vị có khối lượng công việc tăng do sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc trường hợp đột xuất, cấp bách khác. Việc bổ sung phải có thuyết minh nhu cầu, đúng vị trí việc làm, đúng loại biên chế và trong tổng biên chế được giao.

4. Cơ quan, đơn vị được bổ sung biên chế dự phòng phải sử dụng đúng mục đích, đúng vị trí việc làm.

Điều 11. Thẩm quyền về vị trí việc làm

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và khung danh mục vị trí việc làm để xác định vị trí việc làm sử dụng; xây dựng bản mô tả công việc, khung năng lực; đề xuất tỷ lệ công chức bố trí theo từng vị trí việc làm hoặc tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm và số lượng người làm việc; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Quy định này.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì thẩm định, trình Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt, điều chỉnh danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo từng vị trí việc làm đối với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường; cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã và các cơ quan, tổ chức khác thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.

3. Sở Nội vụ chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo từng vị trí việc làm đối với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; có văn bản thẩm định việc phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm,

tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm đối với các ban, chi cục và tương đương thuộc sở và các tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh.

4. Thẩm quyền quyết định vị trí việc làm, tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định vị trí việc làm, tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm và số lượng người làm việc của đơn vị theo quy định của pháp luật; đối với đơn vị thuộc, trực thuộc, thực hiện theo thẩm quyền quản lý và quy định của pháp luật;

b) Thường trực Tỉnh ủy quyết định vị trí việc làm, tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm và số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc khối chính quyền, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan, tổ chức được phân cấp, ủy quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quyết định theo quy định của pháp luật.

c) Sau khi vị trí việc làm, tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm và số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền quyết định, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm và tổ chức thực hiện.

5. Khi có căn cứ điều chỉnh vị trí việc làm theo quy định của pháp luật, cơ quan, tổ chức, đơn vị lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh. Thẩm quyền điều chỉnh thực hiện như thẩm quyền phê duyệt, quyết định lần đầu.

6. Việc phê duyệt, quyết định hoặc điều chỉnh vị trí việc làm không làm phát sinh tăng biên chế. Số lượng công chức, viên chức bố trí theo vị trí việc làm phải nằm trong tổng biên chế, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao hoặc quyết định; trường hợp phát sinh nhu cầu tăng phải lập hồ sơ, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định.

Điều 12. Sử dụng biên chế

1. Việc sử dụng biên chế được giao phải đúng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn, điều kiện và thẩm quyền theo quy định.

2. Không bố trí viên chức thực hiện vị trí việc làm công chức. Cơ quan, đơn vị có tình trạng sử dụng biên chế không đúng loại phải xây dựng phương án sắp xếp, chuyển ngạch, tuyển dụng, tiếp nhận hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh theo lộ trình cụ thể.

Chương III
QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Điều 13. Nguyên tắc chung về hợp đồng

1. Việc ký kết, thực hiện hợp đồng phải tuân thủ quy định của Đảng, pháp luật về lao động, dân sự, viên chức, bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật chuyên ngành và Quy định này.

2. Lao động hợp đồng không thuộc biên chế cán bộ, công chức, viên chức; việc giao hoặc phê duyệt số lượng lao động hợp đồng không làm phát sinh biên chế.

3. Cơ quan, đơn vị chỉ ký hợp đồng khi có nhu cầu thực tế, xác định rõ công việc, tiêu chuẩn, nguồn kinh phí và thẩm quyền.

4. Người đứng đầu chịu trách nhiệm cá nhân về sự cần thiết, thẩm quyền, số lượng, đối tượng, nội dung, nguồn kinh phí, kết quả thực hiện và việc chấm dứt hợp đồng.

Điều 14. Hợp đồng trong cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan hành chính

1. Thực hiện hợp đồng đối với công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP và quy định có liên quan, gồm lái xe, bảo vệ, lễ tân, phục vụ, tạp vụ, trông giữ phương tiện, bảo trì, bảo dưỡng, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc và công việc hỗ trợ, phục vụ khác không được xác định là công chức.

2. Không ký hợp đồng làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ thuộc vị trí việc làm công chức trong cơ quan hành chính và cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, trừ trường hợp ký hợp đồng để thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ của công chức theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP và Điều 15 Quy định này.

3. Người đứng đầu cơ quan được xác định là đầu mối được giao biên chế và kinh phí quản lý hành chính quyết định ký hợp đồng hoặc phân cấp, ủy quyền bằng văn bản cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc trong phạm vi số lượng và dự toán được giao.

4. Kinh phí thực hiện hợp đồng được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định và nằm ngoài quỹ lương biên chế.

Điều 15. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức

1. Việc ký kết hợp đồng lao động, hợp đồng dịch vụ để thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ của công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan nhà nước ở cấp tỉnh, cấp xã thực hiện theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các công việc được thực hiện thông qua ký hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 173/2025/NĐ-CP, gồm:

a) Công việc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý mang tính chất chiến lược, đột xuất, cấp bách, không thường xuyên;

b) Công việc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ có tính chất đặc thù, chuyên sâu, yêu cầu trình độ cao hoặc mang tính thời vụ, không thường xuyên;

c) Công việc chuyên môn, nghiệp vụ hoặc hỗ trợ phục vụ mà nguồn nhân lực hiện có chưa đáp ứng được, nhằm phục vụ nội bộ cho hoạt động cơ quan, tổ chức, đơn vị do người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức quyết định theo yêu cầu thực hiện kế hoạch công tác.

3. Đối tượng ký hợp đồng thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP. Người ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức không tính trong biên chế được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Việc ký hợp đồng thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, không phải thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh lãnh đạo quản lý; người ký kết hợp đồng không phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí lãnh đạo, quản lý tương ứng.

4. Không ký hợp đồng đối với các đối tượng và công việc quy định tại Điều 7 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP.

5. Hợp đồng phải được giao kết bằng văn bản hoặc bằng thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Các loại hợp đồng được ký kết đối với từng loại công việc thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 6, Nghị định số 173/2025/NĐ-CP. Thời hạn ký kết hợp đồng phải căn cứ vào nhiệm vụ, nhu cầu sử dụng nhân lực, điều kiện kinh phí thực hiện nhiệm vụ, khả năng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Thời hạn ký kết hợp đồng dịch vụ được xác định theo công việc, thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và được xác định rõ trong hợp đồng; do người có thẩm quyền ký hợp đồng quyết định, bảo đảm đúng nguyên tắc quy định. Thời hạn ký kết hợp đồng lao động không quá 24 tháng. Không ký kết hợp đồng không xác định thời hạn đối với các trường hợp quy định tại Điều 5 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP. Mẫu hợp đồng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 16/2025/TT-BNV ngày 02/10/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức.

6. Thẩm quyền cho ý kiến và quyết định việc ký kết hợp đồng được thực hiện như sau:

a) Cơ quan cho ý kiến:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về việc ký kết hợp đồng đối với công việc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

- Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến về việc ký kết hợp đồng đối với công việc

quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này của các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Đối với khối chính quyền địa phương, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về việc ký kết hợp đồng đối với công việc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Việc ký kết hợp đồng đối với công việc quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này do người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản này xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh.

b) Cơ quan quyết định ký kết hợp đồng (trên cơ sở ý kiến quy định tại điểm a khoản này, nếu có):

- Đối với công việc quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều này, người đứng đầu cơ quan quản lý công chức quyết định ký kết hợp đồng hoặc phân cấp, ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức quyết định ký kết hợp đồng theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP.

- Đối với công việc quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức được giao biên chế, kinh phí hoạt động, có con dấu và tài khoản riêng quyết định ký kết hợp đồng sau khi báo cáo và được chấp thuận chủ trương của người đứng đầu cơ quan quản lý công chức theo khoản 2 Điều 8 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP.

7. Cơ quan sử dụng công chức lập hồ sơ đề nghị ký kết hợp đồng, trong đó xác định rõ sự cần thiết; nhiệm vụ của vị trí việc làm cần thực hiện; loại công việc quy định tại khoản 2 Điều này; đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện; loại hợp đồng, thời hạn thực hiện; sản phẩm đầu ra; dự toán và nguồn kinh phí.

a) Hồ sơ của các cơ quan, tổ chức thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến đối với công việc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; trình Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến đối với công việc quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này, làm cơ sở để người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 6 Điều này quyết định.

b) Hồ sơ của các cơ quan thuộc khối chính quyền địa phương gửi Sở Nội vụ thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến đối với công việc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 6 Điều này xem xét, quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đối với công việc quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.

8. Sau khi có quyết định hoặc văn bản chấp thuận chủ trương của người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 6 Điều này, người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức thực hiện việc thông báo mời ký hợp đồng, tổng hợp đối tượng đăng ký, tổ chức lựa chọn và ký kết hợp đồng theo Điều 12 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP. Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân cùng đáp ứng yêu cầu thì

thành lập hội đồng tư vấn để tư vấn việc lựa chọn trước khi quyết định ký kết hợp đồng.

9. Kinh phí thực hiện hợp đồng do ngân sách nhà nước bố trí tối đa bằng 10% tổng quỹ tiền lương, bao gồm lương và các khoản phụ cấp lương, và tiền thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị; được lập dự toán trong ngân sách hằng năm, nằm ngoài quỹ lương và ngoài kinh phí khoán chi hành chính. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được huy động các nguồn lực hợp pháp khác để bổ sung kinh phí thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

10. Người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức chịu trách nhiệm về sự cần thiết, nội dung, đối tượng, thẩm quyền, loại hợp đồng, thời hạn, kinh phí và hiệu quả thực hiện hợp đồng; tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá theo tiến độ, chất lượng và sản phẩm đầu ra; thực hiện công khai thông tin, quản lý hồ sơ và chế độ thống kê, báo cáo theo quy định.

11. Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện đối với khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Sở Nội vụ hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện đối với khối chính quyền địa phương; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm theo quy định.

Điều 16. Hợp đồng trong đơn vị sự nghiệp công lập

1. Việc ký hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP và pháp luật chuyên ngành. Công việc thực hiện ký hợp đồng gồm công việc thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức: vị trí việc làm quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ và công việc phục vụ cho hoạt động của đơn vị không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức.

2. Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định tổng số người làm việc, gồm biên chế viên chức và lao động hợp đồng, theo nhu cầu, khả năng tài chính và định mức chuyên ngành; có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý để theo dõi.

3. Đơn vị tự bảo đảm từ 70% chi thường xuyên trở lên quyết định số lượng hợp đồng đối với vị trí chuyên môn, nghiệp vụ và hỗ trợ, bảo đảm không làm tăng tổng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước. Đối với đơn vị tự bảo đảm dưới 70% chi thường xuyên, số lượng hợp đồng do cơ quan quản lý viên chức quyết định để bổ sung nhân lực còn thiếu so với định mức hoặc nhu cầu thực tế khi chưa có định mức.

4. Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được ký hợp đồng lao động có thời hạn dưới 12 tháng để bổ sung nhân lực còn thiếu so với biên chế viên chức được giao, kịp thời thay người nghỉ thai sản, thôi việc, nghỉ hưu hoặc trong thời gian chưa tuyển dụng được viên chức.

5. Ngoài số hợp đồng được ký kết theo quy định tại khoản 4 Điều này, đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và y tế được ký kết hợp đồng lao động không quá 70% số chênh lệch giữa số biên chế viên chức được giao với số định mức do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế ban hành. Số lượng hợp đồng ký kết do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất; kinh phí thực hiện do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

6. Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên phải thực hiện tuyển dụng đối với biên chế viên chức được giao; không dùng hợp đồng để thay thế việc tuyển dụng hoặc kéo dài tình trạng thiếu viên chức khi đủ điều kiện tuyển dụng.

Điều 17. Thẩm quyền ký hợp đồng trong đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đối với hợp đồng thực hiện công việc của vị trí người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, cấp có thẩm quyền bổ nhiệm quyết định ký hợp đồng. Đối với vị trí cấp phó của người đứng đầu, cấp có thẩm quyền bổ nhiệm quyết định hoặc phân cấp, ủy quyền cho người đứng đầu đơn vị ký hợp đồng.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định ký hợp đồng đối với vị trí quản lý của đơn vị thuộc, trực thuộc; vị trí chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức; công việc phục vụ không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức, trong phạm vi thẩm quyền và số lượng được quyết định. Việc giao cho người đứng đầu các đơn vị thuộc, trực thuộc ký kết hợp đồng thực hiện công việc phục vụ không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Hợp đồng thực hiện công việc của vị trí quản lý chỉ được ký trên cơ sở đề án đã được cơ quan quản lý đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt; đề án phải xác định sự cần thiết, mục tiêu, công việc, sản phẩm, thời hạn, tiêu chuẩn, phương thức lựa chọn, kinh phí và trách nhiệm các bên.

4. Việc quyết định số lượng hợp đồng theo mức độ tự chủ tại Điều 16 Quy định này không thay thế thẩm quyền quyết định, ký kết hợp đồng quy định tại Điều này. Người ký hợp đồng phải thực hiện trong phạm vi thẩm quyền, số lượng được quyết định, điều kiện vị trí việc làm và nguồn kinh phí hợp pháp.

Điều 18. Kế hoạch, lựa chọn và ký kết hợp đồng

1. Hằng năm, cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch hợp đồng, trong đó xác định vị trí hoặc công việc, số lượng, loại hợp đồng, thời hạn, tiêu chuẩn, sản phẩm đầu ra, mức chi, nguồn kinh phí và phương án xử lý khi hết hợp đồng.

2. Hợp đồng sử dụng ngân sách nhà nước hoặc kinh phí chi thường xuyên phải nằm trong kế hoạch, số lượng và dự toán được cấp có thẩm quyền giao, phê

duyệt. Hợp đồng sử dụng nguồn thu sự nghiệp hoặc nguồn hợp pháp khác do đơn vị quyết định theo mức độ tự chủ và quy định của pháp luật, đồng thời phải tổng hợp, báo cáo; không làm tăng mức hỗ trợ chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước. Đối với hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức, việc quyết định chủ trương, lập dự toán và quản lý kinh phí thực hiện theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP; không tính vào số lượng lao động hợp đồng được giao theo Điều 8 Quy định này.

3. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân ký hợp đồng phải công khai, minh bạch, căn cứ năng lực và yêu cầu công việc. Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân cùng đáp ứng yêu cầu, người có thẩm quyền có thể thành lập hội đồng tư vấn lựa chọn. Trường hợp cấp bách cần thực hiện ngay, bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ phải thuyết minh và chịu trách nhiệm về đề xuất.

4. Không chia nhỏ thời hạn, ký nối tiếp hợp đồng ngắn hạn để tránh thực hiện tuyển dụng, phê duyệt số lượng hoặc nghĩa vụ đối với người lao động. Việc gia hạn, ký lại chỉ thực hiện sau khi đánh giá kết quả, xác định còn nhu cầu và bảo đảm nguồn kinh phí.

Điều 19. Quản lý, đánh giá và kinh phí thực hiện hợp đồng

1. Hợp đồng phải quy định rõ công việc, sản phẩm, chất lượng, tiến độ, tiền lương hoặc thù lao, quyền, nghĩa vụ, bảo mật, sở hữu và sử dụng sản phẩm, bồi thường, chấm dứt hợp đồng và xử lý vi phạm.

2. Cơ quan, đơn vị lập hồ sơ, danh sách lao động hợp đồng; phân công người theo dõi, kiểm tra; đánh giá theo sản phẩm, kết quả và thời hạn. Kết quả đánh giá là căn cứ thanh toán, gia hạn, ký lại hoặc chấm dứt hợp đồng. Danh sách, số liệu lao động hợp đồng phải được theo dõi riêng theo từng loại hợp đồng, căn cứ pháp lý, công việc, thời hạn, thẩm quyền ký và nguồn kinh phí; đối chiếu định kỳ với hồ sơ nhân sự và dự toán. Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc báo cáo Ban Tổ chức Tỉnh ủy; khối chính quyền báo cáo Sở Nội vụ theo phân cấp.

3. Kinh phí thực hiện hợp đồng được xác định theo loại hợp đồng, nguồn kinh phí và mức độ tự chủ của cơ quan, đơn vị; được lập dự toán, quản lý, thanh toán, quyết toán theo quy định. Không sử dụng nguồn kinh phí không được phép hoặc ngân sách nhà nước để thanh toán hợp đồng vượt số lượng, sai thẩm quyền. Đối với hợp đồng hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan hành chính, thực hiện theo khoản 4 Điều 14 Quy định này. Đối với hợp đồng trong đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP và cơ chế tài chính áp dụng cho đơn vị. Riêng kinh phí hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức thực hiện theo Điều 13 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP và khoản 9 Điều 15 Quy định này.

4. Cơ quan, đơn vị bảo đảm tiền lương, bảo hiểm, điều kiện làm việc và quyền lợi hợp pháp của người lao động; quản lý tài sản, thông tin, dữ liệu, hồ sơ và

sản phẩm hình thành từ hợp đồng; kịp thời chấm dứt hợp đồng khi nhu cầu không còn hoặc bên thực hiện không đáp ứng yêu cầu.

Chương IV
THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 20. Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý biên chế, lao động hợp đồng.

2. Xem xét, quyết định kế hoạch biên chế theo giai đoạn; quyết định giao tổng biên chế, số người làm việc và lao động hợp đồng cho từng khối theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này; lãnh đạo, chỉ đạo việc giao và quản lý biên chế trong hệ thống chính trị theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Quyết định điều chuyển biên chế giữa khối chính quyền và khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; chỉ đạo thu hồi biên chế sử dụng không hiệu quả hoặc không còn nhu cầu.

4. Lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng, phê duyệt, quyết định và điều chỉnh vị trí việc làm trong toàn hệ thống chính trị tỉnh; chỉ đạo thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng biên chế, lao động hợp đồng.

5. Báo cáo, đề xuất Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế, Bộ Chính trị xem xét cơ chế đặc thù về giao, quản lý, sử dụng biên chế của tỉnh khi cần thiết.

Điều 21. Thường trực Tỉnh ủy

1. Chỉ đạo xử lý công việc thường xuyên về quản lý biên chế, lao động hợp đồng; cho ý kiến đối với nội dung thuộc thẩm quyền trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Trên cơ sở quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, quyết định giao biên chế, số người làm việc và lao động hợp đồng cho từng cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã; các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở tỉnh; quyết định sử dụng biên chế dự phòng khi cần thiết; xem xét, quyết định các nội dung khác được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công, ủy quyền và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy chế làm việc.

3. Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo thẩm quyền.

Điều 22. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Là cơ quan tham mưu, đầu mối tổng hợp chung của tỉnh về quản lý biên chế; chủ trì tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành chủ trương, quy định, kế hoạch, quyết định giao, điều chỉnh, điều chuyển, thu hồi và sử dụng biên chế dự phòng.

2. Chủ trì thẩm định hồ sơ vị trí việc làm thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định; phối hợp với Sở Nội vụ và cơ quan liên quan thẩm định kế hoạch, nhu cầu biên chế, lao động hợp đồng; rà soát khối lượng công việc, cơ cấu đội ngũ, nguồn biên chế và khả năng cân đối quỹ lương trước khi trình cấp có thẩm quyền. Hướng dẫn đầu mối tiếp nhận, thành phần hồ sơ, quy trình xây dựng, thẩm định, trình phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm đối với khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc; hướng dẫn sử dụng thống nhất biểu mẫu danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực và phương án bố trí công chức theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.

3. Trực tiếp theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế, lao động hợp đồng trong khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; phối hợp kiểm tra khối chính quyền.

4. Chủ trì xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu biên chế toàn tỉnh; tổng hợp, đối chiếu số liệu giữa các khối; thực hiện chế độ báo cáo với Ban Tổ chức Trung ương, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn biểu mẫu thống nhất về biên chế được giao, số có mặt, số còn thiếu, cơ cấu vị trí việc làm, biến động nhân sự và lao động hợp đồng; xác định thời điểm chốt số liệu, thời hạn báo cáo, đầu mối tổng hợp và trách nhiệm cập nhật, đối chiếu dữ liệu.

5. Tham mưu sơ kết, tổng kết; đề xuất xử lý trách nhiệm, thu hồi hoặc điều chỉnh biên chế đối với cơ quan, đơn vị vi phạm.

Điều 23. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý biên chế, lao động hợp đồng trong khối chính quyền.

2. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch biên chế theo giai đoạn, hằng năm và phương án giao, phân bổ, điều chỉnh, điều chuyển, thu hồi, tinh giản biên chế, lao động hợp đồng của khối chính quyền; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định tổng số giao cho khối chính quyền; trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, giám sát, khắc phục việc sử dụng sai loại biên chế, bố trí viên chức vào vị trí công chức, ký hợp đồng không đúng quy định; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, thống nhất của số liệu khối chính quyền.

4. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị định số 173/2025/NĐ-CP trong khối chính quyền; chỉ đạo Sở Nội vụ tổng hợp tình hình ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm theo quy định.

Điều 24. Cấp ủy, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu

1. Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương lãnh

đạo xây dựng kế hoạch đề xuất biên chế; quản lý, phân bổ, sử dụng biên chế, lao động hợp đồng trong phạm vi được giao; thường xuyên tự kiểm tra, rà soát vị trí việc làm, cơ cấu đội ngũ, khối lượng công việc và nguồn kinh phí. Xây dựng, phê duyệt hoặc điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm, tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phân cấp của tỉnh. Nội dung vượt thẩm quyền phải lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Ban Thường vụ đảng ủy cấp xã lãnh đạo việc xây dựng phương án tổng thể về tổ chức, biên chế của hệ thống chính trị cấp xã; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định điều chuyển chỉ tiêu biên chế giữa khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và chính quyền trong nội bộ xã khi cần thiết.

3. Cơ quan, đơn vị được giao phân bổ biên chế cho đơn vị trực thuộc phải thực hiện đúng tổng số, cơ cấu, gắn với chức năng, nhiệm vụ và sản phẩm đầu ra; không giao bình quân, cào bằng.

4. Người đứng đầu chịu trách nhiệm về việc đề xuất, quản lý, sử dụng từng biên chế; chất lượng đội ngũ; tính chính xác của hồ sơ, số liệu; việc thực hiện hợp đồng và sử dụng kinh phí.

5. Các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở tỉnh quản lý chặt chẽ số người làm việc được hỗ trợ kinh phí; không sử dụng chỉ tiêu, kinh phí sai mục đích; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, kiểm tra.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quyết định giao, tạm giao biên chế, số người làm việc, lao động hợp đồng đã ban hành trước ngày Quy định này có hiệu lực tiếp tục được thực hiện đến khi có quyết định mới của cấp có thẩm quyền.

2. Hợp đồng đã ký đúng quy định trước ngày 01/7/2026 trong đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Khi gia hạn hoặc ký mới phải thực hiện theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP và Quy định này.

3. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức đã được ký đúng quy định của Nghị định số 173/2025/NĐ-CP trước ngày Quy định này có hiệu lực tiếp tục được thực hiện đến hết thời hạn. Việc sửa đổi, gia hạn, ký lại hoặc ký mới thực hiện theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP và Quy định này.

4. Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ đã ký đúng quy định trước ngày Quy định này có hiệu lực tiếp tục được thực hiện theo hợp đồng và pháp luật có liên quan; việc sửa đổi, gia hạn, ký lại hoặc ký mới thực hiện theo quy định áp dụng tại thời điểm thực hiện.

5. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh biên chế, vị trí việc làm đang giải quyết được cơ quan tiếp nhận rà soát, hướng dẫn hoàn thiện theo Quy định này; không yêu cầu lập lại hồ sơ đã đủ điều kiện. Đối với vị trí việc làm chưa phù hợp hoặc biên chế chưa bố trí đủ người, cơ quan, đơn vị xây dựng phương án xử lý theo thẩm quyền, bảo đảm không gián đoạn hoạt động và không hợp thức hóa trường hợp trái quy định.

6. Đối với kế hoạch biên chế và lao động hợp đồng năm 2027, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo tiến độ do Ban Tổ chức Tỉnh ủy thông báo trên cơ sở chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; không áp dụng hồi tố các mốc lập, gửi kế hoạch đã qua trước ngày Quy định này có hiệu lực.

7. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Quy định này có hiệu lực, các cơ quan, đơn vị rà soát toàn bộ biên chế, lao động hợp đồng, vị trí việc làm, nguồn kinh phí và thẩm quyền ký; xây dựng phương án xử lý đối với trường hợp chưa phù hợp, báo cáo Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ theo phân cấp. Phương án xử lý phải xác định rõ từng trường hợp chưa phù hợp, nguyên nhân, biện pháp, thẩm quyền giải quyết, đơn vị thực hiện và tiến độ khắc phục.

Điều 26. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, các cơ quan có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

3. Trường hợp văn bản của Trung ương hoặc pháp luật của Nhà nước được sửa đổi, bổ sung, thay thế và có nội dung khác với Quy định này thì thực hiện theo văn bản mới. Cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh vướng mắc về Ban Tổ chức Tỉnh ủy để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Ký bởi: Tỉnh ủy Hưng Yên
Thời gian ký: 07/11/2026 10:37:34

Phạm Quang Ngọc

Nơi nhận:
- Ban Tổ chức Trung ương, (để báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Các CQ chuyên trách TMGV, ĐVSN thuộc TU;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- Lãnh đạo VPTU, TKBTTU;
- Lưu VPTU, PTHĐộ.